

THÔNG TƯ**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí
thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí
cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 2142/BKHCN-VPĐK ngày 31/8/2009, Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

Điều 1. Đối tượng nộp phí, lệ phí

Đối tượng nộp phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ là tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Mức thu

Mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

STT	Tên phí, lệ phí	Mức thu (đồng/1 lần)
I	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ	
1	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ	2.000.000
2	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; nội dung/lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	1.500.000
3	Thay đổi vốn; trụ sở chính hoặc trụ sở văn phòng đại diện,	1.000.000

STT	Tên phí, lệ phí	Mức thu (đồng/1 lần)
	chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (trừ trường hợp trụ sở chính hoặc trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi theo quyết định điều chỉnh địa giới hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).	
4	Thay đổi khác	500.000
II	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ	
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (áp dụng chung cho tất cả các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ).	300.000

Điều 3: Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng

1. Cơ quan thu phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ là Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi tiếp nhận hồ sơ xin đăng ký hoạt động khoa học, công nghệ. Cơ quan thu phí, lệ phí có trách nhiệm đăng ký, kê khai nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí được trích để lại 80% (tám mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí, lệ phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc thu phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo nội dung chi cụ thể sau đây:

a) Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện thẩm định và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định).

b) Chi cho công tác thẩm định, gồm: chi phí kiểm tra, thẩm định đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; chi trả tiền thù lao thuê chuyên gia kiểm tra, thẩm định, viết nhận xét, đánh giá báo cáo kết quả thẩm định; chi phí họp nhóm chuyên gia, họp Hội đồng thẩm định.

c) Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thẩm định, thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

d) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thẩm định, thu phí.

đ) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc, thẩm định và thu phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước; tối đa bằng 02 tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định tại điểm a, b, c và d khoản này.

3. Tổng số tiền phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thu được trong kỳ, sau khi trừ số trích để lại theo tỷ lệ quy định tại khoản 2 trên đây, số còn lại (20%) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Thông tư này thay thế Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993 của liên Bộ Tài chính - Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) quy định chế độ thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí, lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 và Thông tư số 157/2009/TT-BTC ngày 06/8/2009 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

3. Đối với những hồ sơ hợp lệ đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực và được cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện thu, nộp phí, lệ phí về cấp giấy phép hoạt động khoa học và công nghệ theo Thông tư số 106/TT-LB ngày 28/12/1993.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn. / *km*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu VT, CST (CST 3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn